

Số: 295/2024/QĐST - HNGĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 224/2024/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Quản Thị Minh T, sinh năm 1994

Nơi thường trú và trú tại: P - D7, Tập thể Bộ Tư Lệnh T, phường K quận T, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số 001194012588 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/3/2024.

Và anh Trần Ngọc S, sinh năm 1994

Nơi thường trú và trú tại: Khu D, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số 025094009604 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quản Thị Minh T và anh Trần Ngọc S thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Quản Thị Minh T, anh Trần Ngọc S xác nhận có 01 con chung là: Trần Gia H, sinh ngày 30/4/2022. Hai bên thoả thuận: Chị Quản Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Gia H; anh Trần Ngọc S đóng góp cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng (Bảy triệu đồng một tháng) kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Ngọc S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị **Quản Thị Minh T**, anh **Trần Ngọc S** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị **Quản Thị Minh T**, anh **Trần Ngọc S** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Quản Thị Minh T** và anh **Trần Ngọc S** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **Quản Thị Minh T**, anh **Trần Ngọc S** có 01 con chung là: **Trần Gia H**, sinh ngày 30/4/2022. Hai bên thỏa thuận: Chị **Quản Thị Minh T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Gia H**; anh **Trần Ngọc S** đóng góp cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng (Bảy triệu đồng một tháng) kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh **Trần Ngọc S** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị **Quản Thị Minh T**, anh **Trần Ngọc S** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Quản Thị Minh T**, anh **Trần Ngọc S** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị **T**, anh **S** đã nộp theo biên lai số 0036169 và 0036170 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết

hôn;

- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Hà